

Số: 16/2023/DS-PT

Ngày: 10/01/2023

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Nam

Các Thẩm phán: Ông Mai Tiến Dũng
Bà Nguyễn Thị Lan Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Lan, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Bà Trần Thị Ngoan- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 497/2022/TLPT-DS ngày 14 tháng 11 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST, ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 579/2022/QĐ-PT ngày 29 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Anh T, sinh năm 1971 (*vắng mặt tại phiên tòa*).

Địa chỉ: Tổ 22 phường Phương Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đinh Thị Thu Phương, sinh năm 1979; địa chỉ: Công ty cổ phần suất ăn công nghiệp ATESCO, tầng 6 tòa nhà A Sky Tower số 88 Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội (*theo Giấy ủy quyền lập ngày 04/01/2023 tại VPCC Nguyễn Thị Trà Giang, số 101 phố Trường Lâm, Long Biên, Hà Nội. Bà Phương có mặt tại phiên tòa*).

Bị đơn: Ông Lê Quang Đ, sinh năm 1971 (*có mặt tại phiên tòa*).

ĐKKH: Số 1 Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Hiện ở tại: 42 ngách 823/19 Hồng Hà, phường Chương Dương, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - ông Phạm Anh T và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Phạm Anh T và ông Lê Quang Đ có mối quan hệ quen biết nhau từ lâu, khi ông Đ khó khăn trong kinh doanh, ông Đ đã đặt vấn đề vay ông T số tiền 5.530.000.000 đồng. Ngày 07/6/2016 hai bên có lập Hợp đồng vay không có biện pháp bảo đảm và được công chứng số 382/2016/HĐVTS, quyển số 01/TB-CC/SCC/HĐGD lập tại Văn phòng công chứng Đào Anh Dũng có địa chỉ tại 96 Đào Tấn, phường Công Vị, Ba Đình, Hà Nội. Hiện nay Văn phòng công chứng đã chuyển đến địa chỉ số 73 Quán Thánh đổi tên thành Văn phòng công chứng Tạ Hiền. Nội dung hợp đồng vay thể hiện số tiền vay như trên và lãi suất thỏa thuận của 2 bên theo quy định của pháp luật, tuy nhiên chưa đưa ra mức lãi suất cụ thể, thời hạn vay 06 tháng tính từ ngày 07/6/2016 là ngày ký Hợp đồng. Mục đích vay để ông Đ phục vụ nhu cầu cá nhân. Hợp đồng đã được công chứng viên Đào Anh Dũng chứng kiến, khi lập xong đã đọc lại cho 2 bên tự nguyện giao kết. Tại thời điểm giao kết hai bên đều có năng lực hành vi dân sự, nội dung không trái pháp luật, đạo đức xã hội, hai bên có ký vào các trang và ghi rõ họ tên tại trang cuối có điểm chỉ vân tay vào Hợp đồng.

Khoản tiền 5.530.000.000 đồng xuất phát từ việc ông Đ trước đây là Giám đốc Công ty TNHH Trần Trung có mượn sổ đỏ của ông T để thế chấp vay tiền Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Thăng Long gồm:

1. Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG577676, MS 10109254118, Quyết định 3309/2007/QĐ-UB do Ủy ban nhân dân quận Đống Đa cấp ngày 5/9/2007 tại số 9 tổ 22 phường Trung Liên, quận Đống Đa, Hà Nội mang tên Phạm Sơn Tá và bà Ngô Thị Hiền là bố mẹ đẻ anh T.

2. Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số R250615, sổ vào sổ cấp Giấy 01293/7B QSDĐ/3144/UB do Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/9/2000 mang tên là Nguyễn Thị Thu Hương là chị dâu của anh T.

3. Sổ sổ đỏ là 10107210715 có số hồ sơ gốc là 23091.2002 do Ủy ban nhân dân thành phố Nội cấp ngày 15/8/2002 tại địa chỉ số 85 ngõ Quỳnh, Tổ 34B, phường Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội đã đăng ký sang tên Công ty TNHH Trần Trung do ông Lê Quang Đ làm Giám đốc được Sở Tài nguyên - Môi trường và nhà đất Hà Nội cấp ngày 30/6/2006.

Đối với tài sản thứ 3 là của Công ty TNHH Trần Trung, không liên quan gì đến ông T, nhưng nằm trong 01 Khế ước vay nợ gồm cả ba tài sản với Ngân hàng. Do anh

Đ không thanh toán được khoản nợ quá hạn, không có khả năng thanh toán với Ngân hàng nên 03 sổ đỏ đó do Ngân hàng giữ nên Ngân hàng có quyền phát mại 03 tài sản đảm bảo. Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ với ông T liên quan đến 02 tài sản mà ông T cho ông Đ mượn để phát mại tài sản trả nợ cho Ngân hàng, nên ông T đã nhờ bà Phạm Thị Bạch Tuyết có địa chỉ tại phố Nhà Thờ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội (hiện bà Tuyết đang sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh). Theo Biên bản làm việc và Biên bản thỏa thuận ngày 12/9/2016 giữa Ngân hàng BIDV Chi nhánh Thăng Long với Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết có nội dung, thống nhất phương án mua bán khoản nợ 5.530.000.000 đồng của Công ty TNHH Trần Trung. Ông T đã đưa cho bà Tuyết số tiền trên để giải chấp 03 sổ đỏ vì chung một Khế ước nhận nợ. Sau khi giải chấp, sổ đỏ thứ 3 của Công ty TNHH Trần Trung hiện ông T đang giữ. Sở dĩ số tiền trên không đưa cho ông Đ để giải chấp tài sản vì ông Đ không tin tưởng ông Đ sẽ mang tiền đi giải chấp. Chính vì vậy hai bên mới ký kết Hợp đồng vay tài sản tại Văn phòng công chứng Đào Anh Dũng như đã trình bày tại Tòa án.

Cho đến nay số nợ trên ông Đ vẫn chưa trả được cho ông T, do vậy đề nghị ông Đ phải trả cho ông T số tiền gốc 5.530.000.000 đồng, còn số tiền lãi thì không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - Ông Lê Quang Đ trình bày:

Ông Đ xác nhận có quen biết với ông Phạm Anh T, tuy nhiên việc vay nợ là không có thật. Khoảng năm 2006, ông Đ là Giám đốc Công ty TNHH Trần Trung có thể chấp sổ đỏ của gia đình ông vào Ngân hàng BIDV- Chi nhánh Thăng Long để vay tiền kinh doanh. Thời gian đó ông T nhờ ông Đ thế chấp 2 sổ đỏ nhà ông T vào để vay tiền gồm:

-Tài sản thứ 1: Quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận số AG 577676, MS10109254118, số Quyết định 3309/207/QĐUB của Ủy ban nhân dân quận Đống Đa cấp ngày 5/9/2007, tại địa chỉ: số 9 Tổ 22 phường Phương Liên, Đống Đa, Hà Nội.

-Tài sản thứ 2: Quyền sử dụng đất ở theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R250615, số vào sổ cấp giấy 01293/7B/QSDD/3144/UB do Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/9/2000.

-Tài sản thứ 3: Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số 10107210715 Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 15/8/2002 tại địa chỉ 85 ngõ Quỳnh tổ 34b phường Thanh Nhàn, Hai Bà Trưng, Hà Nội (riêng tài sản này là của Công ty

TNHH Trần Trung thế chấp Ngân hàng, còn 02 tài sản trên ông T nhờ tôi đưa vào Công ty vay tiền để thế chấp Ngân hàng).

Sau khi giải chấp xong, ông T tìm cách dụ ông Đ ký vào Hợp đồng vay tài sản không bảo đảm, do tin tưởng ông T nên ông Đ đã ký vào văn bản này. Ông Đ đòi lại sổ đỏ của ông Đ nhưng ông T không trả. Về thời gian giải chấp ông Đ không nhớ rõ giải chấp 3 sổ đỏ trên vào thời gian cụ thể nào.

Ông Đ không quen biết bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết, bà Tuyết là người quen của ông T nên ông Đ không biết địa chỉ của bà Tuyết, ông T nhờ bà Tuyết mua lại khoản nợ của Công ty TNHH Trần Trung, chính vì vậy mà bà Tuyết và Ngân hàng BIDV đã lập Biên bản thỏa thuận vào ngày 12/9/2016 về việc mua bán khoản nợ của Công ty TNHH Trần Trung, cùng ngày lập biên bản làm việc về việc mua khoản nợ của Công ty TNHH Trần Trung.

Sau khi sự việc xảy ra do bận tập trung vào công việc kinh doanh nên ông Đ không tố cáo ông T ra cơ quan Công an và cũng không khởi kiện Văn phòng công chứng Đào Anh Dũng về hành vi xác nhận nội dung không có thật.

Đối với Hợp đồng vay tài sản không có biện pháp bảo đảm như ông T trình bày ở trên, ông Đ xác nhận chữ ký và điểm chỉ vân tay là của ông Đ. Song thực tế không phải ông Đ vay số tiền 5.530.000.000 đồng như trong hợp đồng, mà là do ông T nhờ ông Đ ký vào Hợp đồng vay nợ để ông T khát nợ và giãn nợ với các cá nhân tổ chức khác mà ông T đang nợ. Sở dĩ ông Đ ký vào Hợp đồng vay nợ số tiền nhiều như vậy là do ông Đ bất cẩn trong việc ký tên mình vào đó, hơn nữa do tin tưởng ông T là bạn học cấp III nên ông Đ mới ký vào Hợp đồng. Ông Đ được biết thời điểm đó Công ty ông T làm ăn thua lỗ nên không có tiền cho vay, ông T nợ Ngân hàng rất nhiều. Ông Đ không nhận được cuộc điện thoại nào của ông T đòi nợ và cũng không nhận được văn bản nào gửi bưu điện. Nay ông T khởi kiện yêu cầu ông Đ phải trả nợ cho ông T thì ông Đ không đồng ý vì thực chất không có việc vay nợ. Ông Đ đề nghị làm rõ tính hợp pháp của Hợp đồng vay nợ.

Người làm chứng:

1. Văn phòng công chứng Nguyễn Thanh Hương (tiền thân là Văn phòng Công chứng Đào Anh Dũng) do bà Nguyễn Thanh Hương - Trưởng Văn phòng có văn bản trình bày:

Sau khi kiểm tra hệ thống danh sách dữ liệu ngăn chặn và hợp đồng đã công chứng do Sở tư pháp Hà Nội quản lý. Kết quả cho thấy, không có hợp đồng giao dịch nào có tên: Ông Phạm Anh T và ông Lê Quang Đ. Hồ sơ lưu trữ tại Văn phòng công

chứng Tạ Hiền (cũ là Văn phòng công chứng Đào Anh Dũng) không có hồ sơ của: “*Hợp đồng vay tài sản không có biện pháp bảo đảm*” có số công chứng: 382/2016/HĐVTS, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD được ký giữa Ông Phạm Anh T và ông Lê Quang Đ ngày 07/6/2016. Đối chiếu sổ nhật ký công chứng của Văn phòng công chứng Đào Anh Dũng (nay là Văn phòng công chứng Tạ Hiền) khẳng định:

- Ngày 07/6/2016 Văn phòng không công chứng Hợp đồng giao dịch nào.

- Vào ngày 01/6/2016 Văn phòng đã chứng nhận: “*Hợp đồng mua bán căn hộ*” số công chứng: 382/2016/MBCN, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD được ký giữa bà Phạm Thị Phương và ông Bùi Văn Hảo cùng vợ là bà Bùi Thị Thu Lan do công chứng viên Đoàn Nga chứng nhận.

2. *Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long có văn bản trình bày:*

Vụ việc tranh chấp dân sự về Hợp đồng vay tài sản giữa ông Phạm Anh T và ông Lê Quang Đ không liên quan đến hoạt động của Ngân hàng. Đến thời điểm hiện tại, Công ty TNHH Trần Trung không có quan hệ tín dụng tại BIDV- Chi nhánh Thăng Long, toàn bộ các hồ sơ, tài liệu liên quan đến Công ty TNHH Trần Trung đã được BIDV Thăng Long bàn giao cho bên mua nợ theo quy định.

3. Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết không đến Tòa án làm việc và không gửi văn bản nêu quan điểm, ý kiến gửi cho Tòa án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS - ST, ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm đã xét xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Anh T đối với ông Lê Quang Đ về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

2. Buộc ông Lê Quang Đ phải trả cho ông Phạm Anh T số tiền 5.530.000.000 đồng (*năm tỷ năm trăm ba mươi triệu đồng*).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các bên đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 9/9/2022 bị đơn - ông Lê Quang Đ có Đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm vì không đồng ý với quyết định của Tòa án buộc ông Đ phải trả cho ông Phạm Anh T số tiền 5.530.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc ông Đ phải trả khoản tiền đã vay theo Hợp đồng vay tài sản hai bên đã ký kết. Việc ông Đ trình bày, ông Đ ký vào Hợp đồng vay tài sản vì tin tưởng ông T

để ông T sử dụng văn bản này phục vụ cho mục đích cá nhân là không có căn cứ. Do vậy đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đ.

Bị đơn - ông Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, việc vay nợ giữa ông Đ với ông T và việc ông T giải chấp tài sản là hai việc khác nhau. Ông Đ xác nhận bà Tuyết mua khoản nợ và thanh toán tiền cho Ngân hàng để ông T giải chấp tài sản, trong đó có tài sản của ông Đ là do ông T nợ tiền của bà Tuyết, vì thế nghĩa vụ của ông T là phải giải chấp để lấy tài sản ra. Còn việc ông Đ ký vào Hợp đồng vay tài sản là do tin tưởng ông T nên ông Đ mới ký vào Hợp đồng. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho ông Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự đã thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá quá trình giải quyết vụ án xác định:

- Tòa án cấp sơ thẩm chưa điều tra, thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh việc vay nợ giữa ông T và ông Đ, trong khi ông Đ trình bày không có việc vay nợ như Hợp đồng hai bên đã ký kết; cả ông T và ông Đ đều không cung cấp được chứng cứ chứng minh có việc giao nhận tiền; tài liệu, chứng cứ ông T xuất trình để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện không phù hợp với khoản vay ghi trong Hợp đồng vay tài sản mà hai bên đã ký kết.

- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Công ty TNHH Trần Trung vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; không lấy lời khai và đưa vợ ông T, vợ ông Đ vào tham gia tố tụng để xác định quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng (nếu có căn cứ xác định có việc vay nợ) là chưa đầy đủ và thiếu sót.

Đối với bà Tuyết cần phải ủy thác lấy lời khai để làm rõ việc thỏa thuận của ông T với bà Tuyết về việc mua bán khoản nợ.

Do việc điều tra thu thập chứng cứ chưa đầy đủ nên việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, hủy bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Bị đơn có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên xác định kháng cáo là hợp lệ.

2. Về nội dung: Hội đồng xét xử xét thấy:

2.1 Xét tính hợp pháp của Hợp đồng vay tài sản

Ngày 07/6/2016 ông Phạm Anh T và ông Lê Quang Đ ký kết “*Hợp đồng vay tài sản không có biện pháp bảo đảm*”, nội dung của Hợp đồng thể hiện ông T cho ông Đ vay số tiền 5.530.000.000 đồng; ông T đã giao tiền cho ông Đ và ông Đ đã nhận đủ số tiền 5.530.000.000 đồng; thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày hai bên ký Hợp đồng và được công chứng. Lãi suất theo thỏa thuận của hai bên không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Hai bên đã thực hiện xong việc giao, nhận tiền vay theo thời hạn và phương thức mà hai bên đã tự thỏa thuận trước khi ký Hợp đồng này không có mặt Công chứng viên.

Xét “*Hợp đồng vay tài sản không có biện pháp bảo đảm*” ký ngày 07/6/2016 giữa ông T và ông Đ được lập thành văn bản, có đầy đủ chữ ký của người vay tiền là ông Lê Quang Đ và người cho vay tiền là ông Phạm Anh T. Tuy nhiên theo ông Đ trình bày việc ông Đ ký vào Hợp đồng vay tài sản là do tin tưởng ông T nhờ ký vào để ông T sử dụng Hợp đồng này nhằm mục đích giãn nợ và giảm lãi. Ông Đ đề nghị làm rõ tính hợp pháp của Hợp đồng vay nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh về việc công chứng vào Hợp đồng vay tài sản, qua xác minh thể hiện Công chứng viên Đào Anh Dũng đã rút tên khỏi danh sách Hội Công chứng viên thành phố Hà Nội và gia nhập Hội Công chứng viên tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Tại Công văn số 89/HCCV ngày 31/12/2021 của Hội công chứng viên tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu gửi Tòa án xác định, không có Công chứng viên nào tên là Đào Anh Dũng.

Xác minh tại Văn phòng công chứng Đào Anh Dũng tại địa chỉ số 96 Đào Tấn, Ba Đình, Hà Nội thể hiện, Văn phòng công chứng Đào Anh Dũng đã đổi tên thành Văn phòng công chứng Tạ Hiền và nay là Văn phòng công chứng Nguyễn Thanh Hương, có địa chỉ tại 73 Quán Thánh, Ba Đình, Hà Nội.

Tại Công văn số 77/CV- CCTH ngày 13/12/2021, Văn phòng công chứng Nguyễn Thanh Hương gửi Tòa án có nội dung thể hiện, căn cứ vào hồ sơ lưu trữ tại Văn phòng công chứng Tạ Hiền (cũ là Văn phòng công chứng Đào Anh Dũng) không có hồ sơ “*Hợp đồng vay tài sản không có biện pháp bảo đảm*” có số công chứng

382/2016/HĐVTS, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD, được ký giữa ông Phạm Anh T và ông Lê Quang Đ ngày 07/6/2016. Đối chiếu sổ nhật ký công chứng xác định, ngày 07/6/2016 Văn phòng không công chứng Hợp đồng giao dịch nào.

Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành trưng cầu Viện khoa học hình sự Bộ công an thực hiện việc giám định chữ ký của ông Đào Anh Dũng và con dấu của Văn phòng công chứng Đào Anh Dũng.

Tại Kết luận số 01/KL-C09(P5) ngày 25/02/2022 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận, chữ ký đứng tên Đào Anh Dũng dưới mục “Công chứng viên” trên mẫu cần giám định với chữ ký đứng tên Đào Anh Dũng trên các mẫu so sánh không phải do cùng một người ký ra. Đối với con dấu đã đóng tại “*Hợp đồng vay tài sản không có biện pháp bảo đảm*” ngày 07/6/2016 là của Văn phòng Công chứng viên Đào Anh Dũng.

Như vậy có căn cứ xác định, con dấu đóng tại “*Hợp đồng vay tài sản không có biện pháp bảo đảm*” ngày 07/6/2016 là của Văn phòng Công chứng viên Đào Anh Dũng.

Tuy nhiên đối với Hợp đồng vay tài sản thì pháp luật không quy định phải công chứng, chứng thực, việc ông Đ xác nhận chữ ký và dấu vân tay của mình trong “*Hợp đồng vay tài sản không có biện pháp bảo đảm*” là đúng và không yêu cầu giám định, đây được coi là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Theo ông Đ trình bày, ông Đ ký vào Hợp đồng vay tài sản là tự nguyện, không bị ai ép buộc, do tin tưởng ông T nên ông Đ mới ký vào Hợp đồng. Về nội dung này Hội đồng xét xử xét thấy, khi ký vào Hợp đồng vay tài sản, ông Đ có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, ông Đ hoàn toàn ý thức được nghĩa vụ và trách nhiệm của mình khi ký để vay số tiền lớn ghi trong Hợp đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh việc công chứng vào Hợp đồng vay tài sản, tuy nhiên kết quả xác minh không phải là căn cứ xác định ông Đ ký vào Hợp đồng là không khách quan, bị ép buộc hoặc bị lừa dối, trong khi ông Đ xác nhận việc ký vào Hợp đồng vay tài sản là tự nguyện. Từ khi ký Hợp đồng cho đến khi ông T khởi kiện thì ông Đ không có yêu cầu gì đối với cơ quan điều tra cũng như các cơ quan có thẩm quyền khác để đề nghị xem xét về hành vi lừa dối của ông T hoặc vi phạm của cơ quan công chứng, chứng thực. Do vậy không có căn cứ xác định ông Đ ký vào hợp đồng vay tiền là do tin tưởng ông T hoặc do bất cẩn như trình bày của ông Đ trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, trên cơ sở đó xác định, “*Hợp đồng vay tài sản không có biện pháp bảo đảm*” được ký giữa bên cho vay là ông Phạm Anh T và bên vay là ông Lê Quang Đ tại thời điểm giao kết hai bên đều có năng lực hành

vi dân sự nên đã phát sinh hiệu lực kể từ ngày ký 07/6/2016, nên hai bên có quyền và nghĩa vụ phải thực hiện những điều khoản thỏa thuận và cam kết trong Hợp đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Anh T buộc ông Lê Quang Đ phải trả ông T số tiền 5.530.000.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

2.2 Đối với việc giải ngân tài sản thế chấp

Theo nguyên đơn trình bày, việc ký Hợp đồng vay tài sản không có biện pháp bảo đảm xuất phát từ việc ông Đ là Giám đốc Công ty TNHH Trần Trung thế chấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng nhà đất trong đó có cả Giấy chứng nhận của gia đình ông T và của Công ty TNHH Trần Trung do ông Đ làm Giám đốc cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long để vay tiền. Do ông Đ không trả được tiền cho Ngân hàng nên ông T đã nhờ bà Tuyết mua lại khoản nợ của công ty TNHH Trần Trung, sau khi ông T đưa tiền cho bà Tuyết nộp vào Ngân hàng thì Ngân hàng đã giải chấp ba tài sản gồm:

- Tài sản thứ 1: Quyền sở hữu, sử dụng nhà, đất theo Giấy chứng nhận số AG 577676, MS10109254118, số QĐ 3309/207/QĐUB của Ủy ban nhân dân quận Đống Đa cấp ngày 5/9/2007 tại địa chỉ số 9 Tổ 22 phường Phương Liên, Đống Đa, Hà Nội.

- Tài sản thứ 2: Quyền sử dụng đất ở theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R250615, số vào sổ cấp giấy 01293/7B/QSDD/3144/UB do UBND quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/9/2000.

- Tài sản thứ 3: Quyền sở hữu, sử dụng nhà, đất số 10107210715 UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 15/8/2002 tại địa chỉ 85 ngõ Quỳnh, Tổ 34b phường Thanh Nhàn, Hai Bà Trưng, Hà Nội (tài sản này là của Công ty Trần Trung thế chấp ngân hàng, còn tài sản thứ 1 và tài sản thứ 2 là của ông T).

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh thể hiện:

Tại văn bản số 1421/BIDV-KTGSTT ngày 14/6/2022, Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long cho biết: ... *“đến thời điểm hiện tại Công ty TNHH Trần Trung không có quan hệ tín dụng với Ngân hàng BIDV Thăng Long; toàn bộ các hồ sơ tài liệu liên quan đến Công ty TNHH Trần Trung đã được BIDV Thăng Long bàn giao cho bên mua nợ theo quy định”*.

Xem xét Biên bản làm việc về việc Mua khoản nợ của Công ty TNHH Trần Trung ngày 12/9/2016, nhận thấy:

Nội dung Biên bản làm việc thể hiện một bên là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long và một bên là bà Nguyễn Thị Bạch

Tuyết (bên mua nợ) cùng nhau làm việc bàn về việc mua khoản nợ của Công ty TNHH Trần Trung tại Ngân hàng BIDV Thăng Long. Tài sản bảo đảm gồm 03 tài sản như đã nêu trên, cùng ngày hai bên lập Biên bản thỏa thuận về việc mua khoản nợ của Công ty TNHH Trần Trung.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông Đ xác nhận, bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết đứng ra mua lại khoản nợ của Công ty TNHH Trần Trung, sau khi bà Tuyết nộp tiền vào Ngân hàng thì Ngân hàng đã giải chấp tài sản; việc ông Đ ký kết vào Hợp đồng vay tài sản và việc bà Tuyết mua khoản nợ và được Ngân hàng giải chấp tài sản là hai việc khác nhau.

Như vậy lời khai trên của ông Đ là phù hợp với tài liệu, chứng cứ và trình bày của ông T về việc ông T không tin tưởng ông Đ nên không đưa tiền cho ông Đ mà phải đưa tiền cho bà Tuyết để bà Tuyết đi giải chấp tài sản, do đó có căn cứ xác định, ông Đ ký Hợp đồng vay tiền của ông T có liên quan đến việc ông T phải nhờ bà Tuyết mua lại khoản nợ của Ngân hàng để giải chấp tài sản mà ông Đ với tư cách là Giám đốc Công ty TNHH Trần Trung đã thế chấp cho Ngân hàng vay tiền. Tuy nhiên việc giải chấp như thế nào và sử dụng bao nhiêu tiền để giải chấp tài sản không phải là căn cứ xác định khoản tiền ông Đ ký trong Hợp đồng vay tiền của ông T có đúng với khoản tiền nộp cho Ngân hàng để giải chấp tài sản hay không. Quá trình giải quyết vụ án ông Đ không có yêu cầu phản tố và cũng không chứng minh được việc ký vào Hợp đồng vay tiền là bị ép buộc, lừa dối. Do vậy ông Đ phải chịu trách nhiệm và phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông T theo Hợp đồng hai bên đã ký kết như đã nhận định ở nội dung nêu trên.

Do ông T không yêu cầu ông Đ phải trả lãi trên khoản tiền nợ gốc nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Đ phải trả ông T toàn bộ khoản tiền nợ gốc là có căn cứ.

Đối với người làm chứng là bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết: Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện ủy thác ghi lời khai và gửi Giấy báo cho bà Tuyết đến Tòa án để làm việc, tuy nhiên căn cứ vào tài liệu là Phiếu báo phát (BL 180 - 182) thể hiện bà Tuyết từ chối nhận bưu gửi (Giấy báo) nên Tòa án cấp sơ thẩm không lấy được lời khai của bà Tuyết. Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm nhận được kết quả ủy thác tổng đạt Thông báo kháng cáo của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh tổng đạt cho bà Tuyết tại địa chỉ: SAV-3.14-10 The Sun Avenue 28 Mai Chí Thọ, phường An Phú, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi nhận được Thông báo, bà Tuyết không có quan điểm hay ý kiến gì gửi cho Tòa án.

Bị đơn - ông Đ xác nhận bà Tuyết là người quen của ông T đã mua khoản nợ của Công ty TNHH Trần Trung và Ngân hàng đã giải chấp tài sản trả lại cho ông T, do vậy Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ mua bán khoản nợ giữa bà Tuyết với ông T nếu có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các đương sự có yêu cầu là hoàn toàn có cơ sở.

Những phân tích nêu trên cũng là căn cứ để Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội.

3. Về án phí:

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 155, Điều 223, Điều 280, Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST, ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Anh T đối với ông Lê Quang Đ về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

2. Buộc ông Lê Quang Đ phải trả cho ông Phạm Anh T số tiền 5.530.000.000 đồng (*năm tỷ năm trăm ba mươi triệu đồng*).

3. Về án phí: Ông Lê Quang Đ phải chịu 113.530.000 đồng (*một trăm mười ba triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm. Số tiền án phí còn phải nộp là 113.530.000 đồng.

Ông Phạm Anh T được nhận lại số tiền 66.000.000 đồng (*sáu mươi sáu triệu đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0051223 ngày 05/10/2021 theo Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai phúc thẩm, có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát NDTP Hà Nội;
- Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án, VP.

Trần Thị Thu Nam